





Sublime Text ide

# Tối ưu Sublime Text - Tại sao không?

Marked as Trending on 2017-03-31 11:30:05

This post is in the series: Tối ưu công cụ lập trình

plugin

1. Tối ưu Sublime Text - Tại sao không ? (current post)

code

snippet

- 2. Hiểu rõ hơn, tối ưu và sử dụng phím tắt cho Terminal
- 3. Docker: Chưa biết gì đến biết dùng (Phần 1)
- 4. Git Học nghiêm túc một lần (Phần 1)
- 5. Docker: Chưa biết gì đến biết dùng (Phần 2)



### 1. Giới thiệu Sublime Text

- Sublime Text là một IDE do Jon Skinner tạo ra vào tháng 1 năm 2008, được viết dựa trên ngôn ngữ lập trình Python và C++.
- Là phần mềm trả phí, nhưng cho phép dùng thử vô thời hạn.
- Hỗ trợ trên các hệ điều hành phổ biến như Windows, Mac OS và các bản phân phối của Linux như Ubuntu, Linux Mint,...
- Nhe, khởi đông nhanh, tốn ít tài nguyên.
- Có một giao diện người dùng trực quan, dễ dàng tùy biến, rất bắt mắt.
- Hỗ trợ nhận diện và tô màu từ khoá (syntax highlight) cho hơn 20 ngôn ngữ khác nhau chẳng hạn như HTML, CSS,
   Javascript, C++, C#, SQL, XML ....
- Hỗ trợ nhiều plugin mạnh mẽ bởi cộng đồng developer đông đảo.
- Bạn có thể thêm những tính năng mới thông qua việc cài đặt Plugin hay Package (hoàn toàn miễn phí).

# 2. Cài đặt & khởi động

#### 2.1 Cài đặt

Tham khảo hướng dẫn cài đặt trên trang chủ

Đối với linux, cài đặt với apt như sau:

• Cài đặt GPG key:

wget -qO - https://download.sublimetext.com/sublimehq-pub.gpg | sudo apt-key add -

• Đảm bảo apt được thiết lập để hoạt động với các nguồn https:

sudo apt-get install apt-transport-https

• Chọn bản ổn định để sử dụng:

echo "deb https://download.sublimetext.com/ apt/stable/" | sudo tee /etc/apt/sources.list.d/sublime-text.list

• Update apt:

sudo apt-get update

• Cài đặt Sublime Text:

sudo apt-get install sublime-text

# 2.2 Khởi động

Khởi động: Click vào biểu tượng chương trình hoặc gõ lệnh trên Terminal:

subl: Khởi động chương trình

subl <folder\_path>: Mở folder với sublime text

subl <file\_path>: Mở file với sublime text

Sau đây mình sẽ chủ yếu nói tới những điều nên biết để nâng cao hiệu suất làm việc với Sublime Text.

# 3. Sử dụng phím tắt

#### 3.1 Tab

Ctrl + P: Mở nhanh một file

```
views: {
    'tab-chats': {
        templateUrl: 'templates/chat-detail.html',
        controller: 'ChatDetailCtrl'
}

state('tab.account', {
        url: '/account',
        views: {
        'tab-account': {
        templateUrl: 'templates/tab-account.html',
        controller: 'AccountCtrl'
}

// if none of the above states are matched, use this as the fallback
surlRouterProvider.otherwise('/tab/dash');

// if none of the above states are matched, use this as the fallback
surlRouterProvider.otherwise('/tab/dash');
}
```

Ctrl + Shirt + T: Mở file vừa đóng.

Ctrl + Tab: Chuyển đến tab đang mở gần đây nhất.

Alt + number: Chuyển đến tab theo số thứ tự

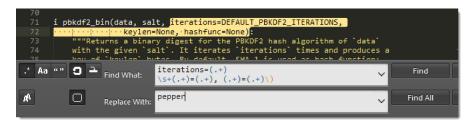
Ctrl + PgUp/PgDown: Chuyển tab theo vòng tròn

Ctrl + W: Đóng tab đang xem / Thoát Sublime Text

#### 3.2 Chỉnh sửa

Ctrl + F: Tìm kiếm

Ctrl + H: Tìm kiếm và thay thế



Ctrl + Shift + K: Xóa dòng hiện tại

Ctrl + Shift + D: nhân đôi dòng hiện tại

```
| Index.html | X | 1 | <!DOCTYPE | html> | 2 | <html | lang="en" > 3 | <head> | 4 | <meta | charset="UTF-8" > 5 | <title>Title</title> | 6 | </head> | <head> | <head> | <head> | <head> | <header | role="banner" > 9 | <header | vals | 10 | <header | vals | 11 | <header | vals | 12 | <header | vals | 12 | <header | vals | 13 | <header | vals | 14 | <header | vals | 15 | <header | vals | 15 | <header | vals | 16 | <header | vals | vals
```

Ctrl + Shift + ↑ (↓): Di chuyển dòng/cụm, tự động đưa vào brackets (các dấu đóng mở hàm)

```
face: 'img/mike.png'
}

return {
    all: function() {
        return chats;
    },
    remove: function(chat) {
        chats.splice(chats.indexOf(chat), 1);
    },
    get: function(chatId) {
        for (var i = 0; i < chats.length; i++) {
            if (chats[i].id === parseInt(chatId)) {
                return chats[i];
            }
        }
        return null;
    }
}

return null;
}
</pre>
```

Ctrl + /: comment

Ctrl + Shift + /: comment dang block

Ctrl + R: List các hàm.

Ctrl + KU: Chuyển thành chữ hoa

Ctrl + KL: Chuyển thành chữ thường

Ctrl + X: Xóa dòng hiện tại nhưng đồng thời lưu nó vào bộ nhớ đệm.

### 3.3 Điều hướng

Ctrl + G <số dòng> : Di chuyển tới dòng

Ctrl + D: Bôi đen từ hiện tại

Ctrl + M: Di chuyển tới dấu đóng ngoặc gần nhất

Ctrl + Shirt + M: Bôi đen toàn bộ nội dung trong cặp ngoặc.

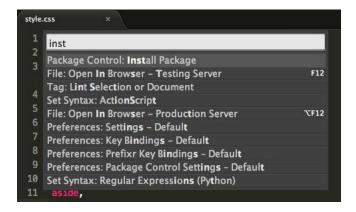
Ctrl + Shirt + Mũi tên trái: Bôi đen đến đầu từ về phía bên trái.

Ctrl + Shirt + Mũi tên phải: Bôi đen đến đầu từ về phía bên phải.

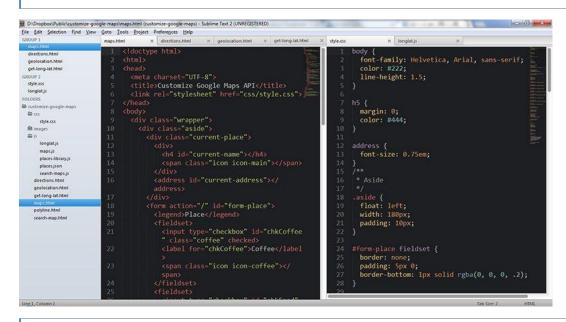
Ctrl + L: Bôi đen dòng hiện tại và chuyển con trỏ tới dòng tiếp theo.

### 3.4 Cài đặt chung

Ctrl + Shirt + P: Mở command line. Trong đó có install / remove package



Shirt + Alt + (1/2/3/4/5/8/9): Chia thành nhiều màn hình



Ctrl + Alt + Left click: Đóng hoặc mở tất cả folder.

Ctrl + KB: Đóng mở vùng hiển thị danh sách file/folder (bên trái màn hình)

Tham khảo thêm tại Github

# 4. Một số plugin khá hữu ích

1. Git Gutter

Nếu bạn đang làm việc với Git, mình khuyên bạn nên cài Git Gutter. Package này giúp thông báo những thay đổi phiên bản

```
| 156 | 157 | 158 | 157 | 158 | 159 | 159 | 160 | 161 | 162 | 163 | 164 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165 | 165
```

2. Git Blame

Chuột phải, chọn Git Blame:

```
Dockerfile x GitBlame x

FROM ubuntu:16.04

MAINTAINER HoanKi<hoanki2212@gmail.com>
RUN DEBIAN_FRONTEND=noninteractive

RUN apt-get update

RUN apt-get install -y nginx

RUN echo "mysql-server mysql-server/root_password password root" | debconf-set-selections \

&& echo "mysql-server mysql-server/root_password_again password root" | debconf-set-selections \

&& apt-get install -y mysql-server

WORKDIR /venv

Git Blame (oNguyenVanHoan) 2018-04-02 11:09:10 | 32477fd7 [Copy] [Show] x

COPY start.sh /venv

RUN chmod a+x /venv/*

ENTRYPOINT ["/venv/start.sh"]

EXPOSE 80

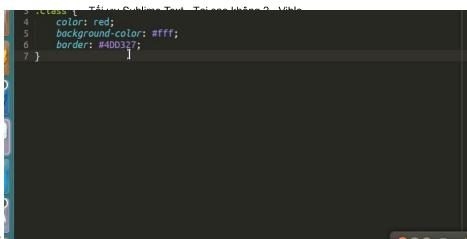
Z4

EXPOSE 80
```

Hoặc

Ctrl + Shirt + P > Git: Blame

3. ColorHighlighter



Hiển thị màu sắc trong code css

4. Bracket HighLighter.

Package này giúp cho bạn có thể dễ nhìn thấy phần mở/ đóng của thẻ nằm ở chỗ nào.

```
#logo {
float: left;
              font-size: 1.7em;
color: #fff;
text-transform: uppercase;
8
9
10
11
12
13
14
              letter-spacing: -lpx;
padding-top: 9px;
font-weight: bold;
```

5. A File Icon

Thay đổi icon

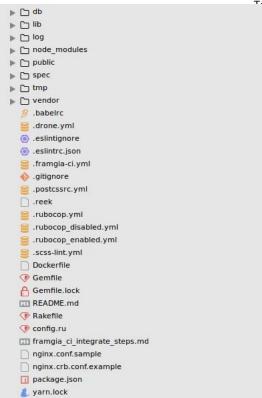
**⊻**IBLO

Search Viblo

i 🗘 🛭 🔼

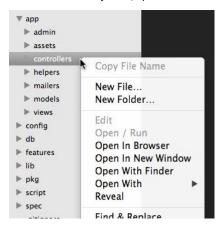


⊾ l ⊃ ann



6. SidebarEnhancements

Sau khi install, hãy chuột phải vào thư mục để cảm nhận khác biệt



7. DocBlockr

Tự động tạo comment đúng chuẩn

```
1 <?php
2 |
3 function foo(Array $arr,
4 | MyClass $cls,
5 | $str = "abc",
6 | $i = 0,
7 | $b = false) {}
8
9
10
```

Dễ dàng tìm ra các function, class,.. đang sử dụng được viết từ đâu

```
document.addEventListener('copy', function(e){

// We need to prevent the default copy functionality,
// otherwise it would just copy the selection as usual.
e.preventDefault();

// The copy event doesn't give us access to the clipboard data,
// so we need to get the user selection via the Selection API.

var selection = window.getSelection().toString();

// Transform the selection in any way we want.
var escaped = escapeHtml(selection);

// Place the transformed text in the clipboard.
e.clipboardData.setData('text/plain', escaped);

});

34

});
```

9. AutoFileName

Package này sẽ hiển thị ra tất cả các file có trong thư mục để các bạn có thể nhúng file đơn giản hơn

```
FOLDERS

    index.html

▼ project
                           <!DOCTYPE html>
 ▼ imgs
                          <html lang="en">
  ▼ apps
                          <head>
     codepen.png
                               <meta charset="UTF-8">
     dribbble.png
                               <title>Document</title>
     github.png
                          </head>
                          <body>
                           </body>
                      10
                          </html>
```

10. Better CoffeeScript

HighLight màu sắc cho file .coffee

11. Ruby Slim

```
= t "example.slim"
box.box hihi
 = simple_form_for @character, url: admin_path, method: :patch, wrapper: :form, html: { class: "horizontal" } do |f|
       button.btn.btn-primary.margin type="submit"
i.fa. #{t("confirm")}
```

HighLight màu sắc cho file .slim

#### 5. Tự tạo snippet

Khi bạn phải code đoạn code mà cấu trúc của nó giống nhau thì thay vì phải gõ từng chữ cái thì bạn có thể gõ một vài kí tự viết tắt rồi nhấn tab là xong. Đó chính là snippet. Nhờ có snippet mà các lập trình viên có thể rút ngắn thời gian gõ bàn phím để làm việc kha khá.

Cách cài snippet untitled • - Sublime Text File Edit Selection Find View Goto Tools Project Preferences Help Command Palette... Ctrl+Shift+P Snippets... Color Highlighter Build System Build Ctrl+B Build With... Ctrl+Shift+B Ctrl+Break Build Results Save All on Build Record Macro Ctrl+O Ctrl+Shift+Q Playback Macro Save Macro... New Plugin.. Tab Size: 4 Plain Text untitled • - Sublime Text File Edit Selection Find View Goto Tools Project Preferences Help line 10. Column 1

21/6/2010

Sau đó lưu lai: Ctrl + S

Như vậy, chỉ cần gỗ erb rồi tab thì bạn đã có ngay <%= %> Khi bạn gọi snippet ra, con trỏ mặc định sẽ đặt ở vị trí \$1, tương tự sẽ có \$2 \$3 \$4,.. để chuyển con trỏ từ vị trí \$1 sang \$2 \$\$ bạn chỉ cần dùng phím "tab" trên bàn phím. Nhờ đó mà các thao tác thừa khi sử dụng chuột sẽ loại bỏ một cách đáng kể!

#### 6. Cấu hình Sublime Text

Bạn truy cập vào:

Preferences -> Setting

Chính sửa file:

Preferences.sublime-settings - User

Bao gồm các option như cỡ chữ, độ dài tab, ...

Một ví du để các ban tham khảo:

```
"auto complete": true,
  "auto_complete_commit_on_tab": true,
  "copy_with_empty_selection": true,
  "ensure_newline_at_eof_on_save": true,
  "font_size": 12,
  "ignored_packages":
    "Vintage"
  ],
  "index_files": true,
  "rulers":
    80
  "tab_size": 2,
  "telex": true,
  "translate_tabs_to_spaces": true,
  "trim_trailing_white_space_on_save": true
}
```

Thank for your attention 😄

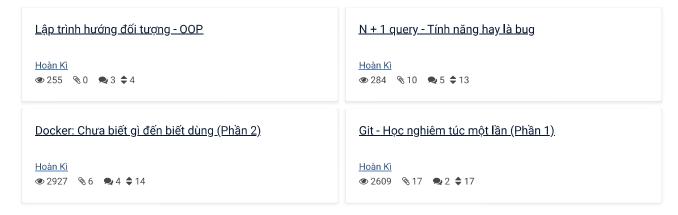
NEXT POST ▶

Have problems with Sublime Text, ide or plugin? Ask on Viblo »

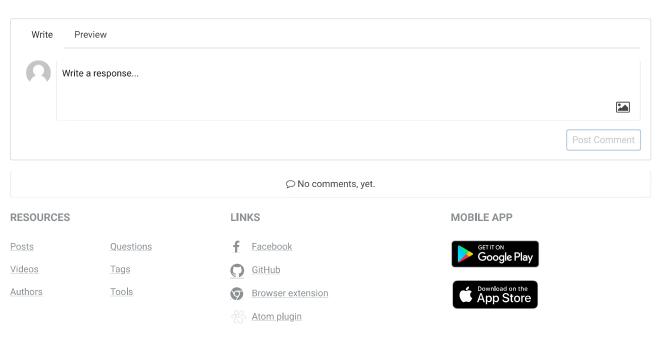
Related



#### More from Hoàn Kì



#### **Comments**



© 2018 Viblo. All rights reserved.

Feedback Help FAQs Terms